

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

1.1. Giới thiệu chung về dự toán:

- Tên dự toán: Quan trắc môi trường Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị năm 2026.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị.

- Tổng dự toán: 2.660.902.000 đồng. (theo Quyết định số 658/QĐ-KKT ngày 16/3/2026).

- Nguồn vốn: Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2026 cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị.

- Nội dung, khối lượng dịch vụ: Quan trắc, lấy mẫu phân tích chất lượng môi trường và tổng hợp, viết báo cáo kết quả quan trắc môi trường năm 2026 tại các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026 (bao gồm 04 đợt thực hiện).

- Địa điểm thực hiện: KCN Tây Bắc Đồng Hới; KCN Bắc Đồng Hới; KCN Cảng biển Hòn La; Khu trung tâm cửa khẩu quốc tế Cha Lo (gồm dự án Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm cửa khẩu quốc tế Cha Lo và dự án Hạ tầng khu phi thuế quan và các điểm dịch vụ KKTCK Cha Lo); Bãi rác Cha Lo; KCN Tây Bắc Quán Hàu; KCN Nam Đông Hà; KCN Quán Ngang giai đoạn 1,2 và KKT thương mại đặc biệt Lao Bảo.

1.2. Giới thiệu chung về gói thầu:

- Tên gói thầu: Quan trắc môi trường Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị năm 2026.

- Giá gói thầu: 2.645.055.000 đồng (theo Quyết định số 658/QĐ-KKT ngày 16/3/2026).

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ;

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 10 tháng.

2. Mục tiêu công việc:

Nhà thầu thực hiện Lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển, phân tích và lập Báo cáo kết quả quan trắc đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm về bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước có liên quan, với các nội dung công việc chính như sau:

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị tính	Số lượng
I	KCN TÂY BẮC ĐỒNG HỚI		
1	Phân tích mẫu không khí (5 chỉ tiêu)	Vị trí	36

	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	chỉ tiêu	
	SO ₂	chỉ tiêu	
	NO ₂	chỉ tiêu	
	CO	chỉ tiêu	
	Tiếng ồn	chỉ tiêu	
2	Phân tích chất lượng nước dưới đất (07 chỉ tiêu)	Mẫu	12
	pH	chỉ tiêu	
	Sắt	chỉ tiêu	
	Crom (VI)	chỉ tiêu	
	Asen	chỉ tiêu	
	Tổng chất rắn hòa tan TDS (thay thế chỉ tiêu SS)	chỉ tiêu	
	Amoni (NH ₄ ⁺)(thay thế chỉ tiêu tổng Nitơ)	chỉ tiêu	
	Tổng coliform	chỉ tiêu	
3	Phân tích chất lượng nước thải (10 chỉ tiêu)	Mẫu	12
	pH	chỉ tiêu	
	Tổng chất rắn lơ lửng	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi sinh học BOD ₅	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi hóa học COD	chỉ tiêu	
	Tổng Phốt pho	chỉ tiêu	
	Tổng Ni tơ	chỉ tiêu	
	Tổng dầu mỡ khoáng	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
	Photphat	chỉ tiêu	
	Sunfua	chỉ tiêu	
II	KCN BẮC ĐỒNG HỚI		
1	Phân tích mẫu không khí (5 chỉ tiêu)	Vị trí	20
	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	chỉ tiêu	
	SO ₂	chỉ tiêu	
	NO ₂	chỉ tiêu	
	CO	chỉ tiêu	

	Tiếng ồn	chỉ tiêu	
2	Phân tích chất lượng nước mặt (14 chỉ tiêu)	Mẫu	8
	pH	chỉ tiêu	
	Tổng chất rắn lơ lửng	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi hóa học COD	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi sinh học BOD5	chỉ tiêu	
	Nitrite	chỉ tiêu	
	Nitrate	chỉ tiêu	
	Cr (VI)	chỉ tiêu	
	Đồng	chỉ tiêu	
	Kẽm	chỉ tiêu	
	Sắt	chỉ tiêu	
	Tổng dầu, mỡ	chỉ tiêu	
	Amoni (tính theo N)	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
	Xyanua (CN ⁻)	chỉ tiêu	
3	Phân tích chất lượng nước dưới đất (10 chỉ tiêu)	Mẫu	8
	pH	chỉ tiêu	
	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	chỉ tiêu	
	Tổng chất rắn hoà tan TDS (thay thế chỉ tiêu SS)	chỉ tiêu	
	Chỉ số permanganat (thay thế chỉ tiêu COD)	chỉ tiêu	
	Clorua (Cl ⁻)	chỉ tiêu	
	Đồng	chỉ tiêu	
	Sắt	chỉ tiêu	
	Mangan	chỉ tiêu	
	Sulphat	chỉ tiêu	
	Tổng coliform	chỉ tiêu	
4	Phân tích chất lượng nước thải (15 chỉ tiêu)	Mẫu	8
	pH	chỉ tiêu	
	Nhiệt độ	chỉ tiêu	

	Tổng chất rắn lơ lửng	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi sinh học BOD ₅	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi hóa học COD	chỉ tiêu	
	Amoni (tính theo N)	chỉ tiêu	
	Sắt (Fe)	chỉ tiêu	
	Đồng	chỉ tiêu	
	Mangan (Mn)	chỉ tiêu	
	Thủy ngân (Hg)	chỉ tiêu	
	Asen (As)	chỉ tiêu	
	Chì	chỉ tiêu	
	Tổng dầu mỡ khoáng	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
	Sulfua	chỉ tiêu	
III	KCN CẢNG BIỂN HÒN LA (bao gồm Nhà máy XLNT)		
1	Phân tích mẫu không khí (5 thông số)	Vị trí	24
	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	chỉ tiêu	
	SO ₂	chỉ tiêu	
	NO ₂	chỉ tiêu	
	CO	chỉ tiêu	
	Tiếng ồn	chỉ tiêu	
2	Phân tích chất lượng nước mặt (16 chỉ tiêu)	Mẫu	12
	pH	chỉ tiêu	
	Độ đục	chỉ tiêu	
	Tổng chất rắn lơ lửng	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi hóa học COD	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi sinh học BOD ₅	chỉ tiêu	
	Amoni (tính theo N)	chỉ tiêu	
	Chì	chỉ tiêu	
	Sắt	chỉ tiêu	
	Tổng dầu, mỡ	chỉ tiêu	

	Tổng Phốt pho	chỉ tiêu	
	Tổng Ni tơ	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
	DO	chỉ tiêu	
	Photphat	chỉ tiêu	
	Nitrite	chỉ tiêu	
	Nitrate	chỉ tiêu	
3	Phân tích chất lượng nước dưới đất (11 chỉ tiêu)	Mẫu	12
	pH	chỉ tiêu	
	Độ cứng (tính theo CaCO_3)	chỉ tiêu	
	Amoni (NH_4^+)	chỉ tiêu	
	Sắt	chỉ tiêu	
	Asen	chỉ tiêu	
	Tổng coliform	chỉ tiêu	
	TDS (thay thế chỉ tiêu SS)	chỉ tiêu	
	Sulphat	chỉ tiêu	
	Nitrate	chỉ tiêu	
	Nitrite	chỉ tiêu	
	Chỉ số permanganat (thay thế chỉ tiêu COD)	chỉ tiêu	
4	Phân tích chất lượng nước thải (24 chỉ tiêu)	Mẫu	4
	pH	chỉ tiêu	
	Độ màu	chỉ tiêu	
	Tổng chất rắn lơ lửng	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi sinh học BOD_5	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi hóa học COD	chỉ tiêu	
	Tổng Phốt pho	chỉ tiêu	
	Tổng Ni tơ	chỉ tiêu	
	Kẽm	chỉ tiêu	
	Đồng	chỉ tiêu	
	Tổng dầu mỡ khoáng	chỉ tiêu	

	Amoni (tính theo N)	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
	Asen	chỉ tiêu	
	Thủy ngân	chỉ tiêu	
	Chì	chỉ tiêu	
	Cd	chỉ tiêu	
	Cr	chỉ tiêu	
	Fe	chỉ tiêu	
	Ni	chỉ tiêu	
	Mn	chỉ tiêu	
	Xyanua	chỉ tiêu	
	Tổng phenol	chỉ tiêu	
	Sunfua	chỉ tiêu	
	Clo dư	chỉ tiêu	
5	Phân tích chất lượng nước biển ven bờ (9 chỉ tiêu)	Mẫu	8
	pH	chỉ tiêu	
	Tổng chất rắn lơ lửng	chỉ tiêu	
	DO	chỉ tiêu	
	Amoni	chỉ tiêu	
	Sắt	chỉ tiêu	
	Đồng	chỉ tiêu	
	Mangan	chỉ tiêu	
	Kẽm	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
IV	BÃI RÁC CHA LO		
1	Phân tích mẫu không khí (5 chỉ tiêu)	Vị trí	12
	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	chỉ tiêu	
	SO ₂	chỉ tiêu	
	NH ₃	chỉ tiêu	
	CxHy	chỉ tiêu	
	H ₂ S	chỉ tiêu	

2	Phân tích chất lượng nước mặt (11 chỉ tiêu)	Mẫu	4
	pH	chỉ tiêu	
	Tổng chất rắn lơ lửng	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi hóa học COD	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi sinh học BOD ₅	chỉ tiêu	
	Xyanua	chỉ tiêu	
	Amoni (tính theo N)	chỉ tiêu	
	Photphat	chỉ tiêu	
	Mn	chỉ tiêu	
	Cd	chỉ tiêu	
	Chì	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
3	Phân tích chất lượng nước thải (12 chỉ tiêu)	Mẫu	4
	pH	chỉ tiêu	
	Tổng chất rắn lơ lửng	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi sinh học BOD ₅	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi hóa học COD	chỉ tiêu	
	Amoni (tính theo N)	chỉ tiêu	
	Tổng Phốt pho	chỉ tiêu	
	Tổng Ni tơ	chỉ tiêu	
	Xyanua	chỉ tiêu	
	Mn	chỉ tiêu	
	Chì	chỉ tiêu	
	Cd	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
V	KHU TRUNG TÂM CKQT CHA LO		
1	Phân tích mẫu không khí (5 chỉ tiêu)	Vị trí	32
	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	chỉ tiêu	
	SO ₂	chỉ tiêu	
	NO ₂	chỉ tiêu	
	CO	chỉ tiêu	

	Tiếng ồn	chỉ tiêu	
2	Phân tích chất lượng nước mặt (13 chỉ tiêu)	Mẫu	4
	pH	chỉ tiêu	
	Tổng chất rắn lơ lửng	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi hóa học COD	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi sinh học BOD ₅	chỉ tiêu	
	Nitrite	chỉ tiêu	
	Nitrate	chỉ tiêu	
	Photphat	chỉ tiêu	
	Clorua	chỉ tiêu	
	Amoni (tính theo N)	chỉ tiêu	
	Xyanua (CN ⁻)	chỉ tiêu	
	Cr (VI)	chỉ tiêu	
	Cd	chỉ tiêu	
	Sắt	chỉ tiêu	
3	Phân tích chất lượng nước thải (9 chỉ tiêu)	Mẫu	4
	pH	chỉ tiêu	
	Tổng chất rắn lơ lửng	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi sinh học BOD ₅	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi hóa học COD	chỉ tiêu	
	Amoni (tính theo N)	chỉ tiêu	
	Tổng Phốt pho	chỉ tiêu	
	Tổng Ni tơ	chỉ tiêu	
	Sắt (Fe)	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
VI	KCN TÂY BẮC QUẢN HÀU		
1	Phân tích mẫu không khí (5 thông số)	Vị trí	20
	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	chỉ tiêu	
	SO ₂	chỉ tiêu	
	NO ₂	chỉ tiêu	

	CO	chỉ tiêu	
	Tiếng ồn	chỉ tiêu	
2	Phân tích chất lượng nước mặt (14 chỉ tiêu)	Mẫu	8
	pH	chỉ tiêu	
	Tổng chất rắn lơ lửng	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi hóa học COD	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi sinh học BOD5	chỉ tiêu	
	Nitrite	chỉ tiêu	
	Nitrate	chỉ tiêu	
	DO	chỉ tiêu	
	Amoni (tính theo N)	chỉ tiêu	
	Xyanua (CN ⁻)	chỉ tiêu	
	Cr (VI)	chỉ tiêu	
	Đồng (Cu)	chỉ tiêu	
	Sắt	chỉ tiêu	
	Kẽm (Zn)	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
3	Phân tích chất lượng nước dưới đất (11 chỉ tiêu)	Mẫu	4
	pH	chỉ tiêu	
	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	chỉ tiêu	
	Nitrate	chỉ tiêu	
	Sulphat	chỉ tiêu	
	Clorua (Cl ⁻)	chỉ tiêu	
	Đồng	chỉ tiêu	
	Sắt	chỉ tiêu	
	Mangan	chỉ tiêu	
	Cr (VI)	chỉ tiêu	
	Xyanua	chỉ tiêu	
	Tổng coliform	chỉ tiêu	
4	Phân tích chất lượng nước thải (15 chỉ tiêu)	Mẫu	8

	pH	chỉ tiêu	
	Nhiệt độ	chỉ tiêu	
	Tổng chất rắn lơ lửng	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi sinh học BOD ₅	chỉ tiêu	
	Nhu cầu oxi hóa học COD	chỉ tiêu	
	Amoni (tính theo N)	chỉ tiêu	
	Đồng	chỉ tiêu	
	Sắt (Fe)	chỉ tiêu	
	Tổng dầu mỡ khoáng	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
	Mangan (Mn)	chỉ tiêu	
	Asen (As)	chỉ tiêu	
	Chì (Pb)	chỉ tiêu	
	Thủy ngân (Hg)	chỉ tiêu	
	Sunfua	chỉ tiêu	
VII	KCN NAM ĐÔNG HÀ		
1	Quan trắc môi trường không khí (11 chỉ tiêu)	Vị trí	40
	Nhiệt độ	chỉ tiêu	
	Độ ẩm	chỉ tiêu	
	Tốc độ gió	chỉ tiêu	
	Hướng gió	chỉ tiêu	
	Tiếng ồn	chỉ tiêu	
	Tổng bụi	chỉ tiêu	
	SO ₂	chỉ tiêu	
	NO ₂	chỉ tiêu	
	CO	chỉ tiêu	
	Hydrosulfua (H ₂ S)	chỉ tiêu	
	NH ₃	chỉ tiêu	
2	Quan trắc môi trường nước dưới đất (08 chỉ tiêu)	Mẫu	8
	pH	chỉ tiêu	
	TDS	chỉ tiêu	

	Coliform	chỉ tiêu	
	Độ cứng (CaCO ₃)	chỉ tiêu	
	Amoni	chỉ tiêu	
	Sunfat	chỉ tiêu	
	Phenol	chỉ tiêu	
	Clorua	chỉ tiêu	
3	Quan trắc môi trường nước mặt (11 chỉ tiêu)		8
	pH	chỉ tiêu	
	TSS	chỉ tiêu	
	DO	chỉ tiêu	
	BOD ₅	chỉ tiêu	
	COD	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
	NH ₄ ⁺	chỉ tiêu	
	Phenol	chỉ tiêu	
	As	chỉ tiêu	
	Fe	chỉ tiêu	
	Clorua	chỉ tiêu	
4	Quan trắc môi trường nước thải (13 chỉ tiêu)	Mẫu	8
	pH	chỉ tiêu	
	TSS	chỉ tiêu	
	Nhiệt độ	chỉ tiêu	
	BOD ₅	chỉ tiêu	
	COD	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
	Amoni NH ₄	chỉ tiêu	
	Phenol	chỉ tiêu	
	Sunfua	chỉ tiêu	
	Xianua	chỉ tiêu	
	Fe	chỉ tiêu	
	Zn	chỉ tiêu	

	Florua	chỉ tiêu	
VIII	KCN QUẢN NGANG GIAI ĐOẠN 1, 2		
1	Quan trắc môi trường không khí (09 chỉ tiêu)	Vị trí	24
	Toluen	chỉ tiêu	
	H ₂ S	chỉ tiêu	
	Benzen (C ₆ H ₆)	chỉ tiêu	
	Tiếng ồn	chỉ tiêu	
	Tổng bụi	chỉ tiêu	
	SO ₂	chỉ tiêu	
	NO ₂	chỉ tiêu	
	CO	chỉ tiêu	
	NH ₃	chỉ tiêu	
2	Quan trắc môi trường nước thải (20 chỉ tiêu)	Mẫu	8
	pH	chỉ tiêu	
	TSS	chỉ tiêu	
	Tổng dầu mỡ khoáng	chỉ tiêu	
	Màu	chỉ tiêu	
	BOD ₅	chỉ tiêu	
	COD	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
	Tổng Nito	chỉ tiêu	
	Tổng Phospho	chỉ tiêu	
	Amoni	chỉ tiêu	
	Fe	chỉ tiêu	
	Clorua	chỉ tiêu	
	Xyanua	chỉ tiêu	
	Crom (VI)	chỉ tiêu	
	Crom (III)	chỉ tiêu	
	Zn	chỉ tiêu	
	Hg	chỉ tiêu	
	Pb	chỉ tiêu	

	Cu	chỉ tiêu	
	Asen	chỉ tiêu	
3	Quan trắc môi trường nước mặt (14 chỉ tiêu)	Mẫu	8
	pH	chỉ tiêu	
	DO	chỉ tiêu	
	TSS	chỉ tiêu	
	BOD ₅	chỉ tiêu	
	COD	chỉ tiêu	
	Amoni	chỉ tiêu	
	Tổng dầu mỡ	chỉ tiêu	
	Zn	chỉ tiêu	
	Crom (IV)	chỉ tiêu	
	Crom (III)	chỉ tiêu	
	Cu	chỉ tiêu	
	Xyanua	chỉ tiêu	
	Fe	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
4	Quan trắc môi trường nước dưới đất (18 chỉ tiêu)	Mẫu	8
	pH	chỉ tiêu	
	Florua	chỉ tiêu	
	Độ cứng	chỉ tiêu	
	TS	chỉ tiêu	
	Cu	chỉ tiêu	
	Clorua	chỉ tiêu	
	Chì	chỉ tiêu	
	Hg	chỉ tiêu	
	Zn	chỉ tiêu	
	Crom (VI)	chỉ tiêu	
	Clorua	chỉ tiêu	
	Sắt	chỉ tiêu	
	Mn	chỉ tiêu	

	Nitrat	chỉ tiêu	
	Sunfat	chỉ tiêu	
	E.coli	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
	As	chỉ tiêu	
IX	KKT TM ĐẶC BIỆT LAO BẢO		
1	Quan trắc môi trường không khí (09 chỉ tiêu)	Vị trí	32
	Nhiệt độ	chỉ tiêu	
	Độ ẩm	chỉ tiêu	
	Tiếng ồn	chỉ tiêu	
	Tốc độ gió	chỉ tiêu	
	Hướng gió	chỉ tiêu	
	Tổng bụi	chỉ tiêu	
	SO ₂	chỉ tiêu	
	NO ₂	chỉ tiêu	
	CO	chỉ tiêu	
2	Quan trắc môi trường nước thải (13 chỉ tiêu)	Mẫu	12
	pH	chỉ tiêu	
	TSS	chỉ tiêu	
	BOD ₅	chỉ tiêu	
	COD	chỉ tiêu	
	Tổng dầu mỡ khoáng	chỉ tiêu	
	N tổng	chỉ tiêu	
	P tổng	chỉ tiêu	
	Nitrat	chỉ tiêu	
	Coliform	chỉ tiêu	
	Photphat	chỉ tiêu	
	Amoni	chỉ tiêu	
	Sulfua	chỉ tiêu	
	Fe	chỉ tiêu	

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

Các yêu cầu kỹ thuật của gói thầu bao gồm:

3.1. Yêu cầu chung:

- Nhà thầu phải cung cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường còn hiệu lực. Phạm vi của giấy chứng nhận và văn bản công bố phải quan trắc được tất cả các thông số nêu tại Mục 2, Chương V.

- Kết quả quan trắc được đánh giá theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường nêu tại Mục 3.4. “Quy chuẩn áp dụng”. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có thay đổi quy chuẩn thì việc đánh giá kết quả phân tích môi trường phải dựa theo quy chuẩn mới.

- Việc lấy mẫu phải có sự giám sát và ký xác nhận của đại diện Chủ đầu tư vào phiếu lấy mẫu theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

- Thực hiện quan trắc đầy đủ các chỉ tiêu theo phạm vi công việc yêu cầu.

- Có kế hoạch cụ thể thực hiện công việc quan trắc môi trường.

- Trước khi thực hiện quan trắc môi trường, các thiết bị phục vụ quan trắc phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng và đầy đủ quy trình quan trắc môi trường đã cam kết.

- Lập báo cáo tổng hợp, báo cáo chuyên đề và các kết quả quan trắc theo quy định.

- Dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ, tất cả các vật tư, thiết bị dùng để thực hiện công tác đo kiểm, lấy mẫu ra khỏi khu vực thực hiện công tác đo kiểm, lấy mẫu để trả lại mặt bằng như ban đầu.

3.2. Yêu cầu đối với đội ngũ nhân sự cung cấp dịch vụ:

Nhà thầu phải đáp ứng tối thiểu có đủ nhân sự cung cấp dịch vụ cho gói thầu đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và kinh nghiệm theo yêu cầu của E-HSMT như sau:

Nhà thầu phải lập bảng kê khai nhân sự dự kiến bố trí thực hiện gói thầu có đầy đủ trình độ chuyên môn và kinh nghiệm (có tài liệu chứng minh kèm theo) đồng thời chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt này (Nhân sự có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động).

3.3. Yêu cầu về tiến độ:

Tiến độ thực hiện theo các mốc thời gian sau:

- Số lần thực hiện: 04 đợt/địa điểm, 01 đợt/quý.

+ Đợt 1: Thực hiện hoàn thành quan trắc hiện trường trước ngày 10/4/2026; báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc và cung cấp phiếu kết quả thử nghiệm trước 20/4/2026;

+ Đợt 2: Quan trắc hiện trường trong tháng 5/2026, báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc và cung cấp phiếu kết quả thử nghiệm trước 15/6/2026.

+ Đợt 3: Quan trắc hiện trường trong tháng 8/2026, báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc và cung cấp phiếu kết quả thử nghiệm trước 15/9/2026.

+ Đợt 2: Quan trắc hiện trường trong tháng 11/2026, báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc và cung cấp phiếu kết quả thử nghiệm trước 15/12/2026.

3.4. Quy chuẩn áp dụng:

a) Nước thải

QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

b) Nước mặt

QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt .

c) Nước dưới đất

QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

d) Nước biển

QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển

đ) Không khí, tiếng ồn

- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Sau khi hoàn thành toàn bộ dịch vụ, đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm lập hồ sơ nghiệm thu, trình ký và giao cho chủ đầu tư để làm cơ sở nghiệm thu hoàn thành dịch vụ, quyết toán hợp đồng. Hồ sơ bản gốc tối thiểu 05 bộ gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng dịch vụ.

- Báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ, trong đó: Kèm theo toàn bộ Biên bản lấy mẫu tại hiện trường có xác nhận của Chủ đầu tư; phiếu kết quả thử nghiệm: 05 bộ cho mỗi đợt.

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có)./.